

Bản án số: 114 /2024/DS - ST
Ngày: 22/7/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Văn Ton.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2024/TLST - DS ngày 25/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2024; Thông báo v/v dời lịch xét xử số: 08/TB – TA ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐST – DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Băng T (tên thường gọi L), sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962; Địa chỉ: 311D, khu phố 3, phường 8, thành phố B, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1991; Địa chỉ: 210/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: 081/NP, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh B (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2024 của chị Phạm Băng T và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của chị T là ông Trần Văn S trình bày:*

Ngày 26/7/2022 (dl), chị T có cho vợ chồng anh B và chị H vay số tiền 200.000.000 đồng. Việc cho vay tiền có lập biên nhận nợ do anh B viết nội dung biên nhận, anh B có ký tên và ghi họ tên đầy đủ trong biên nhận.

Ngày 12/12/2023 (dl), chị T có cho vợ chồng anh B và chị H vay số tiền 1.050.000.000 đồng (lần 1: 500.000.000 đồng; lần 2: 550.000.000 đồng). Việc cho vay tiền có lập biên nhận nợ do anh B viết nội dung biên nhận, anh B có ký tên và ghi họ tên đầy đủ trong biên nhận.

Đôi bên tự thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 01%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền thì chị T đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng đến nay anh B, chị H vẫn chưa trả.

Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc anh B, chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền 1.250.000.000 đồng từ ngày khởi kiện là ngày 04/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2024 (nhưng tính chẵn là 03 tháng) với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 1.250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng = 31.125.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.281.125.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn anh Nguyễn Thành B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên Tòa sơ thẩm.*

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị có biết việc anh B làm đảo hạn ngân hàng, khi nào khách hàng không có tiền để đảo hạn ngân hàng thì sẽ nhờ anh B hỏi nguồn tiền dùm, sau khi khách hàng vay lại được tiền thì sẽ cho anh B tiền hoa hồng. Tuy nhiên, do anh B làm nhiều khách hàng nên chị không biết cụ thể công việc làm ăn của anh B thế nào, tiền kiếm được từ việc đảo hạn ngân hàng thì chị cũng không biết.

Giao dịch làm ăn vay mượn tiền giữa chị T (tên thường gọi là L) và anh B thì chị không biết, khi vay mượn tiền của chị T thì anh B không có nói cho chị biết nên nay chị T yêu cầu chị và anh B cùng liên đới trả cho chị T số tiền

1.250.000.000 đồng thì thật sự thiệt thòi cho chị, bởi từ lúc anh B đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh đến nay khoảng hơn nửa năm nhưng anh B không có tiền để gửi về phụ chị nuôi hai đứa con, lương giáo viên của chị mỗi tháng chỉ được 5.500.000đ/tháng, mà phải trả cho ngân hàng Liên Việt, vừa phải nuôi con một mình. Chị và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung vào năm 2016, nay vì tình nghĩa vợ chồng thì chị cũng đồng ý cùng anh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 1.250.000.000 đồng cho chị T nhưng chị xin chị T thương tình cho chị trả dần nợ mỗi tháng với số tiền là 500.000đ/tháng, ngày trả tiền là ngày chị nhận được lương của nhà trường.

Chị đã nhiều lần động viên anh B, kêu anh B về để vào Tòa án hòa giải, thương lượng với chị T nhưng anh B nói không dám về vì còn thiếu nợ nhiều người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Băng T. Buộc anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tiền nợ gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 31.125.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.281.125.000 đồng, trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thành B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu anh B, chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền 1.250.000.000 đồng từ ngày khởi kiện là ngày 04/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2024 (nhưng tính chẵn là 03 tháng) với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 1.250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng = 31.125.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.281.125.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn chị T cung cấp cho Tòa án bản chính biên nhận mượn tiền ngày 26/7/2022, ngày 12/12/2023 với tổng số tiền là 1.250.000.000 đồng.

Bị đơn anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện mà chị T đã cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà chị T cung cấp được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H cho rằng chị không biết, không liên quan đến số tiền anh B vay mượn của chị T, nhưng vì tình nghĩa vợ chồng thì chị H cũng đồng ý cùng anh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 1.250.000.000 đồng cho chị T, nhưng chị H xin trả dần theo khả năng của chị H là 500.000đ/tháng. Từ khi chị T khởi kiện yêu cầu anh B, chị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ nói trên thì chị H cho rằng đã nhiều lần động viên anh B về để đến Tòa giải quyết, thương lượng với chị T nhưng anh B không đến Tòa, cũng không thanh toán tiền nợ còn thiếu cho chị T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh B, chị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền gốc 1.250.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 04/4/2024 (dl) đến ngày xét xử sơ thẩm (tính chẵn là 03 tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 31.125.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét việc chị H xin trả dần số tiền nợ hàng tháng với số tiền 500.000đ/tháng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu này cũng không phù hợp quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét chấp nhận.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $[36.000.000 \text{ đồng} + (481.125.000 \text{ đồng} \times 03\%)] = 50.433.750 \text{ đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên anh B và chị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp toàn bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Băng T. Buộc anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 1.281.125.000đ (một tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 1.250.000.000đ (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 31.125.000đ (ba mươi một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 50.433.750đ (năm mươi triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho chị Phạm Băng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.750.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004248 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm